

Số: /QĐ-UBND

Triệu Sơn, ngày tháng năm 2021

QUYẾT ĐỊNH

Phê duyệt đồ án quy hoạch chung xây dựng xã Xuân Lộc, huyện Triệu Sơn, tỉnh Thanh Hóa đến năm 2030

ỦY BAN NHÂN DÂN HUYỆN TRIỆU SƠN

Căn cứ Luật Tổ chức Chính quyền địa phương ngày 19/6/2015; Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Tổ chức Chính phủ và Luật Tổ chức Chính quyền địa phương ngày 22/11/2019

Căn cứ Luật Xây dựng ngày 18/06/2014; Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Xây dựng ngày 17/6/2020; Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của 37 Luật có liên quan đến Quy hoạch ngày 20/11/2018;

Căn cứ Nghị định số 44/2015/NĐ-CP ngày 06/5/2015 của Chính phủ về việc Quy định chi tiết một số nội dung về Quy hoạch xây dựng; Nghị định 72/2019/NĐ-CP ngày 30/8/2019 của Chính phủ về sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 37/2010/NĐ-CP ngày 07/4/2010 về lập, thẩm định, phê duyệt và quản lý quy hoạch đô thị và Nghị định 44/2015/NĐ-CP ngày 06/5/2015 về quy định chi tiết một số nội dung về quy hoạch xây dựng;

Căn cứ Thông tư số 12/2016/TT-BXD ngày 29/6/2016 của Bộ Xây dựng về quy định hồ sơ của nhiệm vụ và đồ án quy hoạch xây dựng vùng, quy hoạch đô thị và quy hoạch xây dựng khu chức năng đặc thù; Thông tư 02/2017/TT-BXD ngày 01/3/2017 của Bộ Xây dựng quy định hướng dẫn về quy hoạch xây dựng nông thôn; Thông tư số 22/2019/TT-BXD ngày 31/12/2019 của Bộ Xây dựng về ban hành quy chuẩn kỹ thuật Quốc gia về Quy hoạch xây dựng;

Căn cứ Quyết định số 950/QĐ-UBND ngày 12/3/2021 của Chủ tịch UBND huyện về việc phê duyệt nhiệm vụ và dự toán lập quy hoạch chung xây dựng xã Xuân Lộc, huyện Triệu Sơn, tỉnh Thanh Hóa đến năm 2030;

Căn cứ Văn bản số 3215/SXD-QH ngày 18/5/2021 của Sở Xây dựng Thanh Hóa về việc ý kiến về 05 hồ sơ đồ án quy hoạch chung xây dựng xã của 05 xã: Thọ Bình, Hợp Tiến, Xuân Lộc, Triệu Thành, Bình Sơn, huyện Triệu Sơn, đến năm 2030;

Theo đề nghị của phòng Kinh tế và Hạ tầng tại Báo cáo thẩm định số 141/TĐ-KTHT ngày 20/5/2021 (kèm theo Tờ trình của UBND xã Xuân Lộc).

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Phê duyệt đồ án quy hoạch chung xây dựng xã Xuân Lộc, huyện

Triệu Sơn, tỉnh Thanh Hóa đến năm 2030 với những nội dung sau:

1. Vị trí, phạm vi ranh giới và quy mô lập quy hoạch:

1.1. Vị trí, phạm vi ranh giới:

- Xã Xuân Lộc là một xã đồng bằng nằm ở phía Bắc huyện Triệu Sơn, tỉnh Thanh Hóa; xã cách trung tâm huyện 10km về phía Tây Bắc.

- Phạm vi nghiên cứu lập quy hoạch là toàn bộ địa giới hành chính xã Xuân Lộc, ranh giới cụ thể như sau:

- + Phía Bắc giáp xã Thọ Lộc, huyện Thọ Xuân;
- + Phía Nam giáp xã Xuân Thịnh;
- + Phía Tây giáp xã Thọ Ngọc;
- + Phía Đông giáp xã Thọ Vực và xã Xuân Phong, huyện Thọ Xuân.

1.2. Quy mô diện tích lập quy hoạch: khoảng 327,73ha.

2. Mục tiêu quy hoạch, tính chất, chức năng của xã:

2.1. Mục tiêu quy hoạch:

Cụ thể hóa được các mục tiêu yêu cầu tại nhiệm vụ lập và dự toán quy hoạch, được UBND huyện Triệu Sơn phê duyệt tại Quyết định số 950/QĐ-UBND ngày 12/03/2021.

2.2. Tính chất, chức năng của xã:

Quy hoạch xây dựng xã Xuân Lộc là quy hoạch xây dựng nông thôn; chức năng là nông nghiệp, chăn nuôi, nuôi trồng thủy sản kết hợp thương mại - dịch vụ và tiểu thủ công nghiệp vùng huyện Triệu Sơn.

3. Quy mô dân số, lao động, các chỉ tiêu kinh tế - kỹ thuật chủ yếu:

3.1. Quy mô dân số, lao động:

3.1.1. Dân số:

Dân số hiện trạng là 3.345 người; dự báo đến năm 2025 là 3.955 người, đến năm 2030 là 4.565 người.

3.1.2. Lao động:

Dự báo lao động đến năm 2025 là 2.450 người, đến năm 2030 là 3.180 người.

3.2. Các chỉ tiêu kinh tế - kỹ thuật chủ yếu:

3.2.1. Về sử dụng đất:

- Điểm dân cư nông thôn:
 - + Đất xây dựng công trình nhà ở: $\geq 25\text{m}^2/\text{người};$
 - + Đất xây dựng công trình, dịch vụ: $\geq 5\text{m}^2/\text{người};$
 - + Đất cho giao thông và hạ tầng kỹ thuật: $\geq 5\text{m}^2/\text{người};$
 - + Cây xanh công cộng: $\geq 2\text{m}^2/\text{người};$
 - Trụ sở cơ quan xã: $\geq 1.000\text{m}^2.$
 - Đất xây dựng trường mầm non, quy mô 50 chỗ/1000 dân: $\geq 12\text{m}^2/\text{chỗ}$
 - Đất xây dựng trường tiểu học, quy mô 65 chỗ/1000 dân: $\geq 10\text{m}^2/\text{chỗ}$
 - Đất xây dựng trường trung học, quy mô 55 chỗ/1000 dân: $\geq 10\text{m}^2/\text{chỗ}$

- Trạm y tế xã: $\geq 500\text{m}^2/\text{trạm}$.
- (Có vườn thuốc $\geq 1000\text{m}^2/\text{trạm}$).
- Đất xây dựng nhà văn hóa xã: $\geq 1.000\text{m}^2$.
- Đất xây dựng nhà văn hóa thôn: $\geq 500\text{m}^2$.
- Đất xây dựng sân thể thao xã: $\geq 4.000\text{m}^2$.
- Đất xây dựng sân thể thao thôn: $\geq 1.000\text{m}^2$.
- Đất xây dựng điểm phục vụ bưu chính viễn thông: $\geq 150\text{m}^2$.
- Đất xây dựng chợ: $\geq 3.000\text{m}^2/\text{chợ/xã}$.

3.2.2. Các chỉ tiêu quy hoạch hạ tầng kỹ thuật:

- Chỉ tiêu về vệ sinh môi trường: $\geq 1 \text{ kg rác/người/ngày/đêm}$.
- Về cấp nước tiêu chuẩn: $\geq 120 \text{ lít/người/ngày}$.
- Về thoát nước bản tiêu chuẩn: $\geq 80 \% \text{ lượng nước cấp}$.
- Về cấp điện tiêu chuẩn: $\geq 660\text{W}/\text{hộ/ngày/đêm}$.

3.2.3. Các nội dung khác: Theo quy định tại Thông tư số 22/2019/TT-BXD ngày 31/12/2019 về Ban hành quy chuẩn kỹ thuật Quốc gia về Quy hoạch xây dựng và QCVN 4454:2012 về quy hoạch nông thôn – tiêu chuẩn thiết kế.

4. Phân khu chức năng:

4.1. Khu trung tâm xã: Khu trung tâm của xã được quy hoạch nằm trên trục đường chính quan trọng của xã thuộc thôn Yên Trinh, đây là khu vực trung tâm, tập trung các công trình hành chính, công cộng, dịch vụ chính của toàn xã: UBND xã, nhà văn hóa, sân thể thao, trường học, trạm y tế...

4.2. Hệ thống thôn và các khu dân cư tập trung: Quy hoạch giữ nguyên các khu dân cư tập trung tại 4 thôn (*thôn Yên Trinh, thôn Cốc Thuận, thôn Thành Tín, thôn Thủy Tú*).

4.3. Khu sản xuất, dịch vụ.

4.3.1 Khu sản xuất nông nghiệp.

a. Ngành trồng trọt: Khu vực trồng lúa tập trung trên các ruộng thường xuyên có đủ nước tưới, giống lúa trồng là các giống lúa mới có năng suất cao, chống chịu sâu bệnh, chất lượng tốt, mang lại giá trị kinh tế cao; Tiến hành chuyển đổi hình thức sản xuất tập trung (*cánh đồng mẫu lớn*). Diện tích đất trồng lúa đến năm 2030 là 139,33ha.

b. Ngành chăn nuôi.

Để phát huy thế mạnh của xã và tăng thu nhập cho người dân, trong thời gian tới xã cần đầu tư khuyến khích các hộ gia đình hình thành và phát triển các mô hình trang trại. Quy hoạch xây dựng 05 trang trại tại các khu vực sau:

- Trang trại khu vực Đồng Bờ Đa thôn Yên Trinh với diện tích 2,04 ha (Ô đất ký hiệu NKH01).
- Trang trại khu vực Đồng Khuá thôn Cốc Thuận với diện tích 7,0 ha (Ô đất ký hiệu NKH02).
- Trang trại khu vực Đồng Muồn thôn Thủy tú với diện tích 1,34 ha (Ô đất ký hiệu NKH03).

- Trang trại khu vực Đồng Động thôn Thủy Tú với diện tích 1,20 ha (Ô đất ký hiệu NKH04).

- Trang trại khu vực Đồng Thung thôn Thủy Tú với diện tích 2,40ha (Ô đất ký hiệu NKH05).

c. Ngành thủy sản: Quy hoạch diện tích đất nuôi trồng thủy sản của xã đến năm 2030 là 11,59 ha. Tận dụng các hồ đập, thiết kế, phân chia xây dựng ao, hồ, đầm nuôi thả theo tiêu chuẩn kỹ thuật với diện tích phù hợp trên cơ sở hoàn thiện hệ thống kênh mương sẵn có, dần hình thành trang trại chuyên nuôi trồng thủy sản, khuyến khích phát triển nuôi trồng những loại thủy sản đặc sản, có năng suất và giá trị kinh tế cao.

4.3.2. Khu sản xuất kinh doanh – Tiểu thủ công nghiệp và làng nghề.

- Quy hoạch xây dựng khu tiểu thủ công nghiệp làng nghề với tổng diện tích 2,5ha. (Ô đất ký hiệu SKC01). Mật độ xây dựng 40%, tầng cao từ 1 -3 tầng.

- Quy hoạch xây dựng khu sản xuất kinh doanh 12,5ha (Ô đất ký hiệu SKC02, SKC03). Mật độ xây dựng 40%, tầng cao từ 1 -3 tầng.

4.3.3. Khu vực dịch vụ - thương mại.

- Khu thương mại dịch vụ hỗn hợp hồ Thủy Tú, thôn Thủy Tú với diện tích: 0,87ha (Ô đất ký hiệu TMD01). Mật độ xây dựng 40%, tầng cao 1 -3 tầng.

- Hợp tác xã dịch vụ nông nghiệp tại thôn Yên Trinh với diện tích là 0,11ha (Ô đất ký hiệu TMD02). Mật độ xây dựng 40%, tầng cao 1 -3 tầng.

- Khu thương mại dịch vụ hỗn hợp phía Bắc đường QL.47C thôn Thành Tín với diện tích: 3,5ha (Ô đất ký hiệu TMD03). Mật độ xây dựng 40%, tầng cao 1 -3 tầng.

4.4. Khu vực có khả năng phát triển.

- Khu vực ven đường QL.47C, TL.515C được định hướng bao gồm: Tiểu thủ công nghiệp, sản xuất kinh doanh, đất dân cư mới phát triển....;

- Khu vực tại thôn Yên Trinh, thôn Thành Tín: tổ chức các khu dân cư mới tập trung phục vụ nhu cầu về nhà ở đến năm 2030 cho nhân dân trên địa bàn xã.

4.5. Khu vực cấm xây dựng, đặc thù và các công trình đầu mối.

- Vùng hạn chế xây dựng: Các khu vực sản xuất nông nghiệp. Khu vực này chủ yếu giữ theo hiện trạng, để đảm bảo ổn định diện tích sản xuất nông nghiệp.

- Vùng cấm xây dựng bao gồm: bao gồm các vùng xung quanh các Hồ - Đập, sông, kênh. Đây là khu vực dễ gặp nạn khi có biến cố thiên tai về khí hậu như mưa bão lớn.

5. Định hướng tổ chức không gian toàn xã

5.1. Phân vùng kinh tế.

Toàn xã Xuân Lộc đến năm 2030, được chia thành 02 vùng phát triển kinh tế:

- Vùng 1 (Dọc hai bên trục đường TL.515C, đường QL.47, đường trục xã khu vực trung tâm xã): Đây là khu vực trọng điểm phát triển kinh tế của xã. Định hướng khu vực tập trung phát triển các điểm dịch vụ thương mại, dịch vụ vận tải, tiểu thủ công nghiệp gắn với các điểm dân cư nông thôn.

- Vùng 2: (Khu vực còn lại trong toàn bộ xã) là vùng sản xuất nông nghiệp và sản xuất nông nghiệp tập trung trung kết hợp kinh doanh thương mại nhỏ, lẻ.

5.2. Định hướng tổ chức hệ thống công trình công cộng.

5.2.1. Khu công sở xã: Giữ nguyên vị trí tại thôn Yên Trinh, diện tích là 3.700m², mật độ xây dựng < 40% khu đất, tầng cao 1 -3 tầng (Ô đất ký hiệu TSC01).

5.2.2. Khu trung tâm văn hóa- thể thao xã

a) Trung tâm văn hóa xã: Giữ nguyên vị trí hiện tại nằm tại thôn Yên Trinh thuộc khu vực UBND xã với diện tích khuôn viên là 1.700m². Mật độ xây dựng công trình: ≤ 45%;

b) Sân thể thao xã: Giữ nguyên vị trí hiện tại nằm ở thôn Yên Trinh, mở rộng sân thể thao với diện tích 0,4 ha, diện tích sau khi mở rộng là 1,33ha (Ô đất ký hiệu DTT01).

5.2.3. Nhà văn hóa – sân thể thao thôn.

a) Nhà văn hóa thôn:

- Giữ nguyên nhà văn hóa thôn Cốc Thuận với diện tích 0,07 ha.

- Quy hoạch nhà văn hóa thôn Thủy Tú với diện tích 0,25 ha. Mật độ xây dựng 45%, tầng cao 1 – 3 tầng (Ô đất ký hiệu NVH01).

- Quy hoạch nhà văn hóa thôn Yên Trinh tại trụ sở UBND xã cũ với diện tích 0,08 ha. Mật độ xây dựng 45%; Tầng cao 1 – 3 tầng; (Ô đất ký hiệu NVH02.)

- Quy hoạch nhà văn hóa thôn Thành Tín với diện tích 0,25 ha. Mật độ xây dựng 45%, tầng cao 1 - 3 tầng (Ô đất ký hiệu NVH03).

b) Sân thể thao thôn:

- Đối với các khu thể thao sử dụng chung trong khuôn viên của nhà văn hóa thôn, cần đầu tư các trang thiết bị thể thao chuyên dụng để đáp ứng được nhu cầu sinh hoạt của nhân dân trong thôn.

- Quy hoạch sân thể thao thôn Thủy Tú với diện tích 0,19 ha. Ô đất ký hiệu DTT02.

- Quy hoạch sân thể thao thôn Cốc Thuận với diện tích 0,20 ha. Ô đất ký hiệu DTT03.

5.2.4. Công trình y tế: Giữ nguyên tại vị trí hiện trạng tại thôn Yên Trinh. Với diện tích 2.603 m². Mật độ xây dựng 40%; Tầng cao 1 – 3 tầng. Ô đất ký hiệu DYT01.

5.2.5. Chợ nông thôn: Giữ nguyên vị trí cũ tại thôn Yên Trinh, mở rộng chợ Cốc với diện tích 0,20 ha, diện tích sau khi mở rộng là 0,45ha. Mật độ xây dựng 80%; Tầng cao 1 – 3 tầng. Ô đất ký hiệu DCH01.

5.2.6. Công trình giáo dục

Hiện tại trên địa bàn xã có 3 cấp trường học, cụ thể các trường như sau:

a) Trường Mầm non: Giữ nguyên vị trí hiện tại ở thôn Yên Trinh, mở rộng với diện tích là 0,18 ha, diện tích sau mở rộng là 0,51ha. Mật độ xây dựng công trình 40%; Tầng cao 1 – 3 tầng. Ô đất ký hiệu DGD01.

b) Trường Tiểu học và THCS: Giữ nguyên vị trí hiện tại ở thôn Yên Trinh. Diện tích khu đất: 0,91ha. Mật độ xây dựng 40%; Tầng cao 1 - 3 tầng. Ô đất ký hiệu DGD02 và DGD03.

5.2.7. Điểm bưu điện văn hóa xã: Giữ nguyên vị trí tại thôn Yên Trinh với diện tích 354,4m². Mật độ xây dựng 80%, tầng cao 1 – 3 tầng. Ô đất ký hiệu DBV01.

5.2.8. Công trình an ninh: Mở mới trụ sở làm việc công an xã với diện tích là 0,14ha. Mật độ xây dựng 40%, tầng cao 1-3 tầng (Ô đất ký hiệu CAN01).

5.2.9. Nhà trực trung đội dân quân cơ động xã: Mở mới nhà trực trung đội dân quân cơ động xã với diện tích là 0,05ha. Mật độ xây dựng 40%, tầng cao 1-3 tầng (Ô đất ký hiệu CQP01).

5.2.10. Quy hoạch khu vui chơi giải trí công cộng: Mở mới khu vui chơi giải trí công cộng cho người già và trẻ nhỏ (lấy từ đất UBND cũ) với diện tích 0,09 ha. Mật độ xây dựng 80%, tầng cao 0 – 3 tầng. Ô đất ký hiệu DKV01.

5.3. Định hướng tổ chức không gian quy hoạch khu dân cư mới và cũ

- Giữ nguyên vị trí các khu dân cư tập trung tại 4 thôn (thôn Yên Trinh, thôn Cốc Thuận, thôn Thành Tín, thôn Thủy Tú); Ban hành các quy định quản lý kiến trúc và trật tự xây dựng để các cá nhân, tổ chức trong các thôn thực hiện đầu tư xây dựng, đảm bảo mỹ quan của bộ mặt của các thôn, xóm.

- Quy hoạch xây dựng các điểm dân cư mới đến năm 2025 với tổng diện tích 10,62ha, đến năm 2030 với tổng diện tích 23,45ha. Mật độ xây dựng 80% ; tầng cao 1 - 3 tầng ; Ô đất ký hiệu PT01 – PT08.

6. Quy hoạch mạng lưới công trình hạ tầng kỹ thuật, hạ tầng phục vụ sản xuất, công trình đầu mối.

6.1. Công trình hạ tầng sản xuất

6.1.1. Hệ thống giao thông nội đồng: Cơ bản giữ nguyên hệ thống giao thông theo hiện trạng, nâng cấp, cải tạo các tuyến giao thông chưa đảm bảo quy định trong xây dựng NTM, đáp ứng nhu cầu đi lại sản xuất của người dân.

6.1.2. Hệ thống thủy lợi

- Quy hoạch nâng tu bổ, xây mới lại hệ thống kênh mương chính do xã quản lý với chiều dài 9,88km để đảm bảo nhu cầu tưới, tiêu, góp phần phát triển nông nghiệp bền vững, hiệu quả cao.

- Cầu, cống: Xây dựng nâng cấp lại 03 cống hiện nay đã xuống cấp.

6.2. Công trình hạ tầng kỹ thuật

6.2.1. Hệ thống giao thông

Hệ thống giao thông xã được chia thành 02 hệ thống gồm: giao thông đối ngoại và giao thông đối nội, cụ thể :

a) Hệ thống giao thông đối ngoại.

- Đường QL.47C chạy qua xã với chiều dài 0,6km; Lộ giới 60m, trong đó nền đường là 15m, hành lang giao thông (22,5 x 2).

- Đường TL.515C qua xã với chiều dài 2,5km; Lộ giới 42,0m, trong đó: Nền đường 12,0m, hành lang giao thông (15,0m x 2).

- Đường trục xã: gồm có 04 tuyến, với tổng chiều dài là 2,37km, ký hiệu từ ĐTX-XL.01 đến ĐTX-XL.04. Lộ giới 15,5m – 20,5m, trong đó: mặt đường là 10,5m – 14,0m.

b) Hệ thống giao thông đối nội

Nâng cấp, mở rộng các tuyến giao thông trục thôn, liên thôn, trục xóm, nội đồng trên cơ sở mạng lưới cũ đảm bảo các chỉ tiêu kỹ thuật theo tiêu chí chuẩn nông thôn mới, nông thôn mới nâng cao:

- Tuyến đường trục thôn: Gồm 17 tuyến, với tổng chiều dài 7,43km, ký hiệu từ ĐTT-XL.01 đến ĐTT-XL.17. Lộ giới từ 5,0m – 15,5m, trong đó mặt đường từ 3,5m – 10,5m.

- Tuyến đường ngõ xóm: gồm 30 tuyến với tổng chiều dài 12,1km, ký hiệu từ ĐNX-XL.01 đến ĐNX-XL.30. Lộ giới là 5,0m, trong đó: Mặt đường là 3,5m, lề đường là 0,75m x 2.

- Tuyến đường nội đồng: Gồm 06 tuyến, với tổng chiều dài 5,6km, ký hiệu từ ĐND-XL.01 đến ĐND-XL.06. Lộ giới là 5,0m – 20,6m, trong đó: Mặt đường từ 3,5m – 10,5m.

6.2.2. Quy hoạch cao độ nền

- Khu trung tâm nằm kề đường liên xã, độ cao san nền sẽ gắn với đường liên xã và theo địa hình tự nhiên, thấp dần từ Tây Bắc xuống Đông Nam. Nhìn chung với định hướng như vậy khu trung tâm không phải san lấp thêm. Các công trình khi thiết kế sẽ xác định độ cao nền nhà phù hợp.

- Các tuyến kênh mương khi cải tạo, cứng hóa cần xác định cao độ đáy kênh phù hợp. Với các tuyến kênh tưới cốt đáy kênh thiết kế cần căn cứ vào cốt mặt ruộng trong khu vực, hướng tuyến kênh để thiết kế cho phù hợp

6.2.3. Hệ thống cấp nước

- Nguồn nước và hệ thống cấp nước: Bố trí mạng lưới đường ống cấp nước sạch từ xã Xuân Thịnh. Mạng lưới đường ống cấp nước được thiết kế mạng vòng kết hợp nhánh cụt, các đường ống đi ngầm dưới vỉa hè hoặc lòng đường, với tiết diện đường ống chính D110- D200; Giai đoạn trước mắt, nguồn nước sinh hoạt được lấy từ nguồn nước giếng khoan từ các mạch nước ngầm.

- Hệ thống cấp nước chữa cháy: Được thiết kế sử dụng chung với đường ống cấp nước sinh hoạt, các họng cứu hỏa đầu nổi với đường ống cấp nước có đường kính \geq D100 mm và khoảng cách giữa các họng cứu hỏa khoảng 150m.

6.2.4. Hệ thống điện

Trên địa bàn xã có 2,4 km đường dây cao thế; 20km đường dây hạ thế, phần lớn là dây bọc mới thay mới đảm bảo an toàn về kỹ thuật, đảm bảo chất lượng theo quy định; Quy hoạch trạm biến áp thôn Thành Tín với diện tích 0,05 ha (Ô đất ký hiệu DNL01), công suất 500KVA và nâng cấp trạm biến áp số 3 từ 100KVA lên 250KVA, nâng cấp trạm biến áp số 4 từ 160KVA lên 250KVA, tổng công suất của các trạm biến áp sau nâng cấp là 1.430KVA, đáp nhu cầu sử dụng điện trong giai đoạn đến năm 2030.

6.2.5. Công trình hệ thống thoát nước thải và vệ sinh môi trường

a) Hệ thống xử lý nước thải

- Nước thải sinh hoạt ở các khu dân cư của xã Xuân Lộc sau khi xử lý sẽ được theo các mương dẫn nước thải đổ ra hệ thống tiêu thoát nước chung.

- Mương rãnh dẫn nước thải thường được thiết kế chạy dọc theo đường giao thông, kết hợp cả tiêu thoát nước thải và tiêu thoát nước mưa.

- Phương án thoát nước: Với các điểm dân cư tập trung cần xây hệ thống mương nắp đan thu nước sau đó dẫn ra các kênh tiêu và đổ ra kênh thoát, còn các điểm dân cư thưa thớt thiếu tập trung trước mắt vẫn sử dụng phương pháp thăm thấu có biện pháp xử lý triệt để đảm bảo không ảnh hưởng đến môi trường.

b) Hệ thống rác thải

- Khu trung chuyển rác thải được bố trí tại khu vực Bản Động thôn Thủy Tú với diện tích 0,35ha (Ô đất ký hiệu DRA01); Khu vực Đồng Giếng thôn Thủy Tú, với diện tích 0,35ha (Ô đất ký hiệu DRA02).

- Khuyến khích và hướng dẫn nhân dân phân loại chất thải rắn (CTR) ngay tại nguồn thành 2 loại vô cơ và hữu cơ. Đối với CTR hữu cơ, các hộ gia đình tận dụng một phần cho chăn nuôi gia súc, phần còn lại sẽ ủ, tạo thành phân vi sinh phục vụ nông nghiệp. CTR vô cơ không còn được tái chế, sẽ chuyển về bãi trung chuyển để vận chuyển đi xử lý.

c) Quy hoạch nghĩa trang

- Trong giai đoạn đầu: Vẫn tiếp tục sử dụng các nghĩa trang hiện có. Toàn xã có 03 nghĩa trang chính (*nghĩa trang thôn Cốc Thuận, nghĩa trang thôn Thành Tín, nghĩa trang thôn Thủy Tú*). Các nghĩa trang nhỏ lẻ trên địa bàn xã sẽ đóng cửa, đồng thời có kế hoạch khoanh vùng trồng cây xanh cách ly đảm bảo mỹ quan môi trường.

- Trong giai đoạn dài hạn: Quy hoạch mở rộng 3 nghĩa trang tập trung:

+ Mở rộng nghĩa trang thôn Thành Tín với diện tích 0,6 ha; Ô đất ký hiệu NTD01.

+ Mở rộng nghĩa trang thôn Cốc Thuận với diện tích 0,4 ha; Ô đất ký hiệu NTD02.

+ Mở rộng nghĩa trang thôn Thủy Tú với diện tích 0,7 ha; Ô đất ký hiệu NTD03.

7. Các dự án, công trình ưu tiên đầu tư và nguồn vốn.

7.1. Các dự án, công trình ưu tiên đầu tư

- Lập quy hoạch chi tiết xây dựng các điểm dân cư nông thôn, đầu tư hệ thống HTKT, HTXH đồng bộ, tạo nguồn lực để đầu tư các hạng mục khác.

- Nâng cấp, mở rộng hệ thống giao thông trục chính, đầu tư hệ thống rãnh thoát nước, cây xanh, hệ thống chiếu sáng.
- Đầu tư xây dựng hệ thống cấp nước sạch, thoát nước thải và thoát nước mặt theo hướng đồng bộ - hiện đại.
- Xây dựng mới trạm biến áp, nâng cấp các trạm biến áp hiện có.
- Xây dựng mới nhà văn hóa thôn Thủy Tú, Cốc Thuận, Yên Trinh.
- Xây dựng mới khu thể thao các thôn.
- Xây dựng trụ sở công an.
- Cải tạo, chỉnh trang các công trình công cộng, các khu dân cư hiện có.

7.2. Nguồn vốn: Từ nguồn vốn ngân sách và các nguồn vốn huy động hợp pháp khác.

Điều 2. Tổ chức thực hiện

1. Ủy ban nhân dân xã Xuân Lộc có trách nhiệm:

- Tổ chức công bố, công khai rộng rãi nội dung đồ án quy hoạch chung xây dựng xã Xuân Lộc, huyện Triệu Sơn đến năm 2030 để các cơ quan, tổ chức, đơn vị, nhân dân biết, kiểm tra giám sát và thực hiện; đồng thời lưu trữ hồ sơ theo quy định.

- Phối hợp với các phòng, ban, ngành và các cơ quan có liên quan tổ chức, triển khai thực hiện đúng quy hoạch được duyệt và các quy định hiện hành.

- Tổ chức đưa mốc giới quy hoạch ra ngoài thực địa (cắm mốc, định vị khu vực trung tâm xã, tim tuyến, lộ giới các trục giao thông chính, các khu vực bảo vệ...) quản lý theo quy định.

2. Các phòng, ban, ngành cấp huyện và các đơn vị có liên quan căn cứ quy hoạch được duyệt, phối hợp với UBND xã Xuân Lộc tổ chức, triển khai thực hiện quy hoạch đảm bảo tính đồng bộ, thống nhất.

Điều 3. Quyết định này có hiệu lực kể từ ngày ký.

Chánh Văn phòng HĐND và UBND huyện; Trưởng các phòng: Kinh tế và Hạ tầng, Tài nguyên và Môi trường, Tài chính - Kế hoạch, Nông nghiệp và PTNT; Chủ tịch UBND xã Xuân Lộc và Thủ trưởng các ban, ngành, đơn vị có liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

Nơi nhận :

- TT Huyện ủy (b/c);
- TT HĐND huyện (b/c);
- CT, các PCT UBND huyện;
- VP Điều phối NTM huyện;
- Như Điều 3 QĐ;
- UBND xã Xuân Lộc;
- Lưu: VT, KTHT.

**TM. ỦY BAN NHÂN DÂN
CHỦ TỊCH**

Vũ Đức Kính